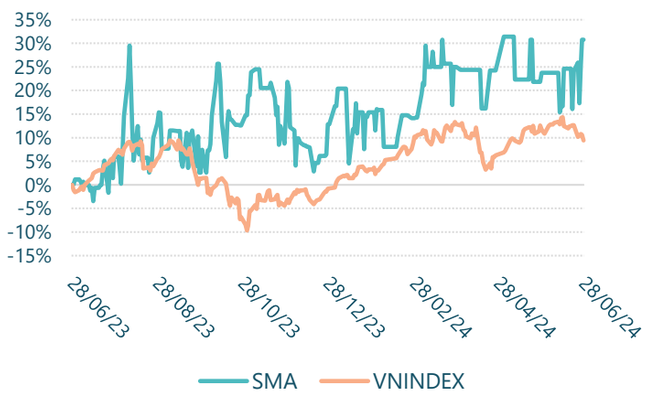
CTCP Thiết bị Phụ Tùng Sài Gòn (HSX: SMA)

FireAnt

Ngày 28/06/2024	10,200 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	5.7%	**4.6%**	**23.2%**

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	7,530 - 10,250
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	208
Số lượng CPLH (CP)	20,352,836
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,140
Sở hữu nước ngoài	0.1%
Beta	0.08
EPS	386
P/E	26.4

Tỷ suất lợi nhuận



Doanh thu thuần

Q2/24

11.0

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 6.60 | 149%

YoY: ▼2.60 | -19.4%

Nợ/VCSH

Q2/24

92.6%

YoY: +/-▼ 5.7%

LN gộp

Q2/24

0.68

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 4.94 | 116%

YoY: ▼3.34 | -83.2%

ROE (TTM)

Q2/24

3.6%

YoY: +/-▲ 1.4%

LN trước thuế

Q2/24

-2.60

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 5.60 | 68.3%

YoY: ▲ 2.99 | 53.5%

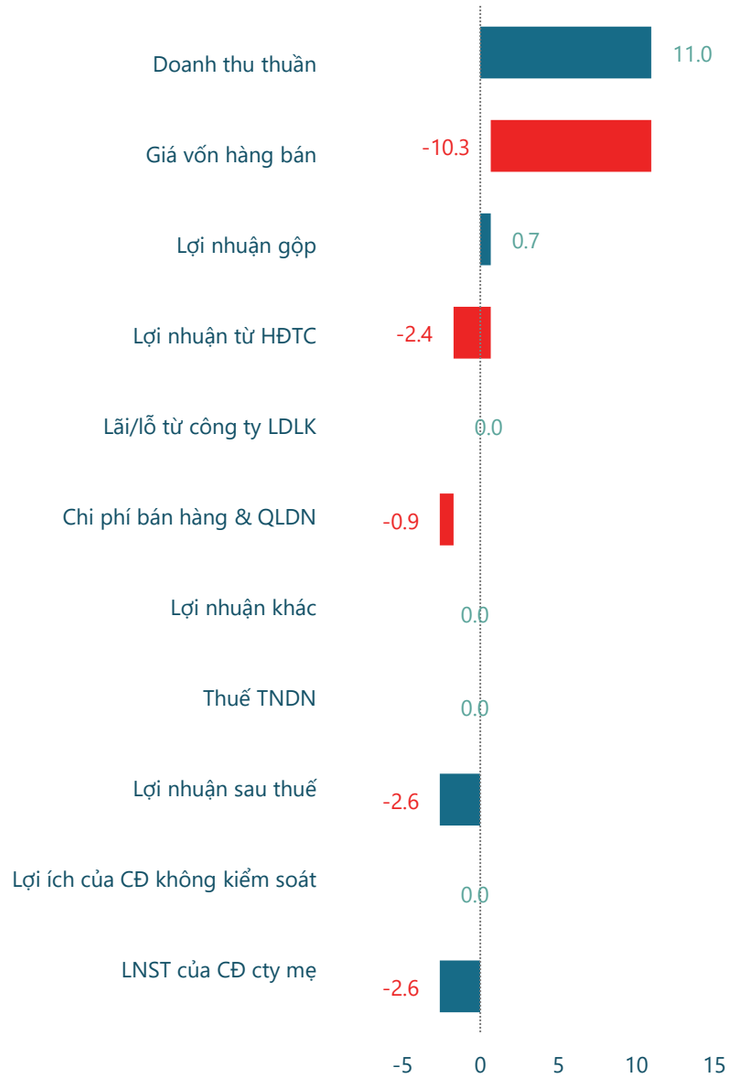
ROA (TTM)

Q2/24

1.9%

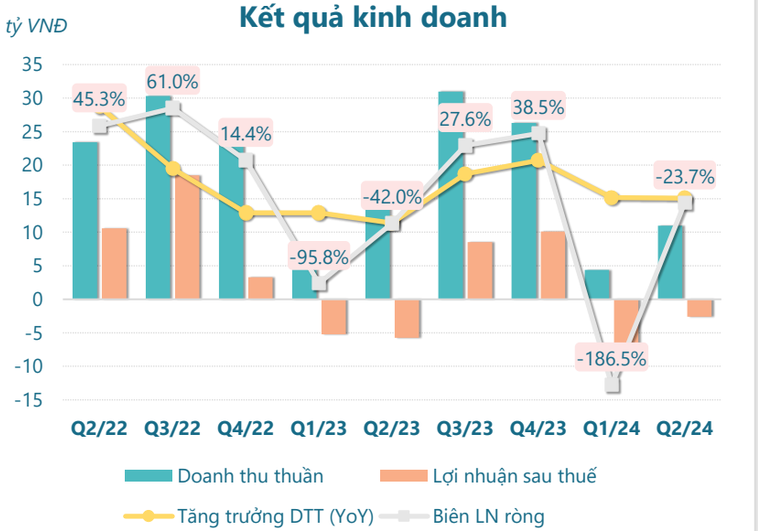
YoY: +/-▲ 0.8%

Kết quả kinh doanh Q2/24



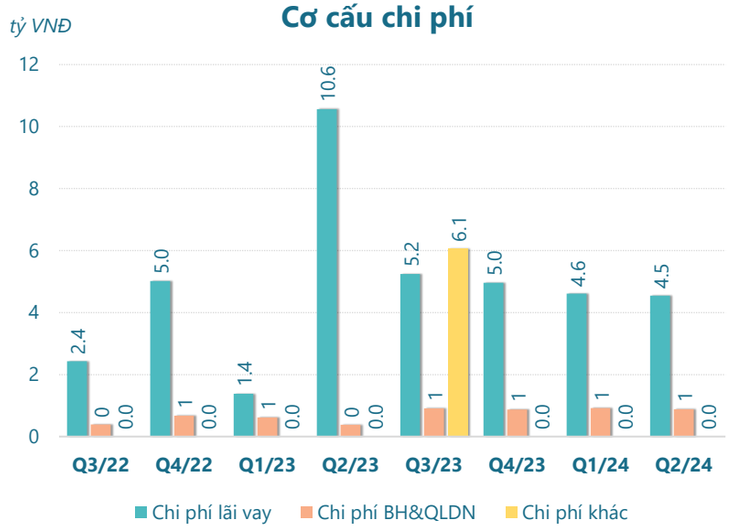
CTCP Thiết bị Phụ Tùng Sài Gòn (HSX: SMA)

FireAnt



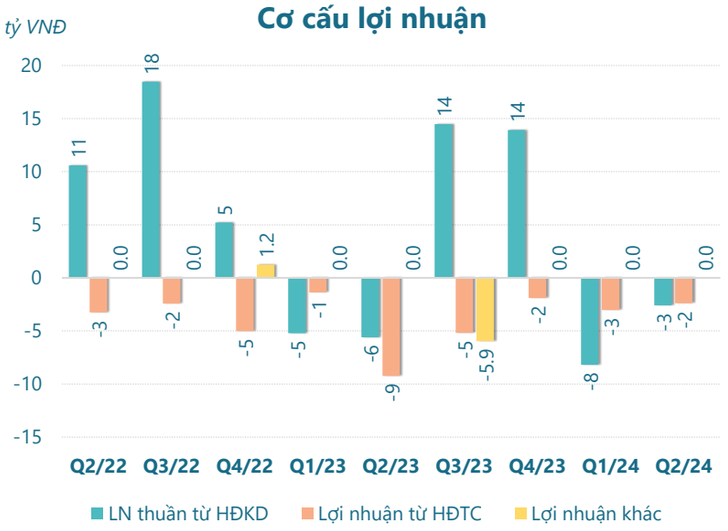
Tại quý II năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **bằng 0** tăng thêm 5.60 tỷ đồng so với kỳ trước và tăng thêm 2.99 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lỗ 2.39 tỷ đồng** tăng thêm 0.63 tỷ đồng so với kỳ trước và tăng thêm 6.84 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **bằng 0** không đổi so với kỳ trước và bằng so với cùng kỳ năm trước.



Kết quả kinh doanh của **SMA** quý II năm 2024, doanh thu thuần đạt **10.96 tỷ đồng** giảm đi **19.6%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lỗ 2.60 tỷ đồng**, **tăng thêm 3.13 tỷ đồng** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **15.00 tỷ đồng** thấp hơn 21.1% so với cùng kỳ năm trước, **Lũy kế 6 tháng** đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **15.00 tỷ đồng** thấp hơn 21.1% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lỗ -11.00 tỷ đồng** bằng so với



Tại quý II, chi phí lãi vay bằng **4.54 tỷ đồng** giảm đi 1.52% so với kỳ trước và thấp hơn 57.0% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **0.88 tỷ đồng** giảm đi 4.35% so với kỳ trước và cao hơn 132% so với cùng kỳ năm trước.

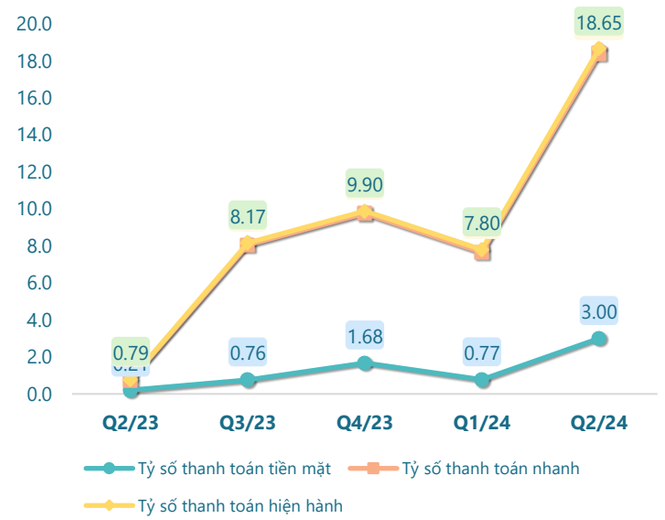
Chi phí khác bằng **0.00 tỷ đồng** không đổi so với kỳ trước và bằng so với cùng kỳ năm trước.

CTCP Thiết bị Phụ Tùng Sài Gòn (HSX: SMA)

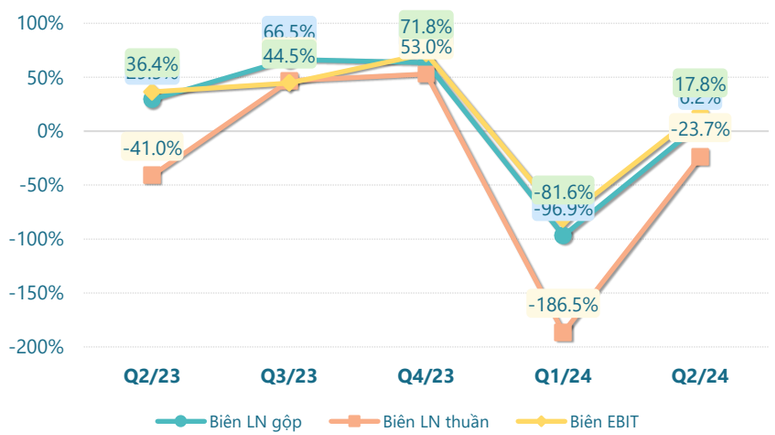
FireAnt

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q1/24	Thay đổi QoQ	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**11.0**	**4.40**	**149%**	**13.6**	**-19.4%**	**15.4**	**19.1**	**-19.5%**
Giá vốn hàng bán	10.3	8.65	18.8%	9.62	6.9%	18.9	18.2	3.8%
Lợi nhuận gộp	0.68	-4.26	116%	4.02	-83.2%	-3.58	0.82	-536%
Doanh thu HĐTC	2.15	1.59	35.4%	0.00		3.75	0.00	383482%
Chi phí TC	4.54	4.61	-1.4%	9.23	-50.8%	9.16	10.6	-13.7%
Chi phí lãi vay	4.54	4.61	-1.4%	10.6	-57.1%	9.16	11.9	-23.3%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**0.88**	**0.92**	**-4.1%**	**0.38**	**132%**	**1.80**	**1.00**	**80.0%**
LN thuần từ HĐKD	-2.60	-8.20	68.3%	-5.59	53.5%	-10.8	-10.8	0.0%
Lợi nhuận khác	**0**	**0.00**		**0.00**		**0**	**0**	
LN trước thuế	-2.60	-8.20	68.3%	-5.59	53.5%	-10.8	-10.8	0.0%
Lợi nhuận sau thuế	**-2.60**	**-8.20**	**68.3%**	**-5.73**	**54.7%**	**-10.8**	**-10.9**	**1.2%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-2.60**	**-8.20**	**68.3%**	**-5.73**	**54.7%**	**-10.8**	**-10.9**	**1.2%**

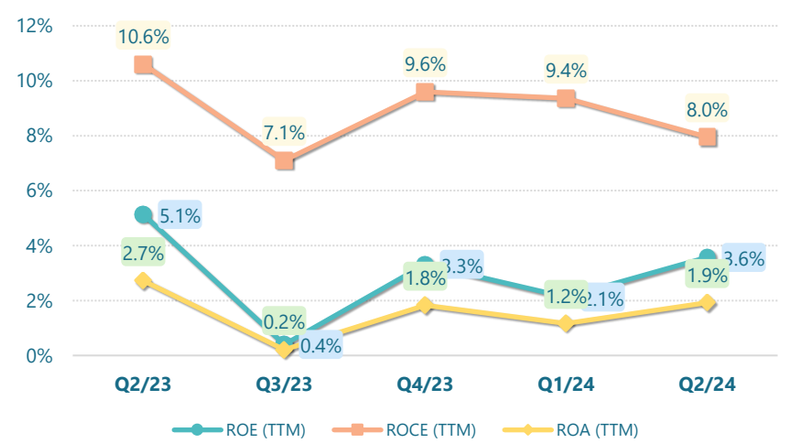
Chỉ số thanh khoản



Biên lợi nhuận



Tỷ suất sinh lợi



Vòng quay tài sản

